

DANH SÁCH

Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
A. Hộ gia đình, cá nhân									
I. Thành Phố Bạc Liêu									
1	05/7/2023	Vưu Trí Tính	ĐĐ 071517	21	33	130,5	ODT		
			ĐĐ 071516	20					
2		Lâm Tấn Lộc	DL 092022	158	23	174,8	CLN		
3		Phạm Thị Lân	DL 166538	171	8	6853,2	LUK		
			DL 166539	170		14102,6	LUK+NTS		
4		Vưu Tấn Thuận	CS 145503	174	71	213,8	ODT	phường 1	
5		Trần Văn Hiền	DH 651928	153	30	75,2	CLN		
6		Trương Thành Mẫn	DL 195855	98	6	195,2	ONT	xã Hiệp Thành	
	84,8					CLN			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
II. Huyện Vĩnh Lợi									
1	05/07/2023	Nguyễn Trí Vinh	CY 872410	12	2	823,2	CLN	thị trấn Châu Hưng	
			CY 872411	132	2	1033,2			
2		Nguyễn Văn Nhiều Thạch Thị Mộng Thường	CN 583672	51	2	4222,7	LUC	xã Châu Thới	
3		Nguyễn Văn Triển	BK 413867	356	7	7360	LUC	xã Vĩnh Hưng A	
				360	7	6085			
		DL 166286	787	2	2592	LUC			
4	05/07/2023	Huỳnh Thanh Bá	CX 020556	550	4	4007	LUC	xã Long Thạnh	
5		Huỳnh Văn Hoàng	CI 050500	526	3	300	ONT		
						1753	CLN		
			CI 050498	523	3	3116	LÚA		
			CI 050499	524	3	1440	LUC		
			CM 210201	1078	3	2603,2	LÚA		
	CM 210202	1080	3	2923,8	LUC				
6	05/07/2023	Nguyễn Văn Ngoan	DH 656331	152	4	2351,4	LUC	xã Long Thạnh	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
7	05/07/2023	Huỳnh Văn Lọt	BC 406382	418	6	4917	LUC	xã Vĩnh Hung A	
				1449	6	1301			
8		Nguyễn Bảo Trọng	DH 651821	1334	6	2278	LUC	xã Vĩnh Hung A	
			DK 910163	2198	6	250,3			
			DH 651819	1392	6	3056,7			
			CM 210266	1267	6	2981,1			
			DH 363967	1931	6	4923,4			
			CM 210280	1932	6	2658			
		DH 651880	1329	6	1441,7				
9		Trần Văn Hiền	DL 186493	109	90	157,7	ONT	thị trấn Châu Hung	

III. Huyện Hồng Dân

1	07/05/2023	Lê Hoàng Khanh	DĐ171758	240	4	5961,2	LUC	xã Ninh Quới	
2		Tăng Kim Khoa	BH336160	94	47	56,9	ODT	thị trấn Ngan Dừa	
			BH336161	95	47	165,7	ODT		
			BA141162	69	48	121,3	ODT		
3		Huỳnh Bửu Khải	CH045199	294	1	12153,4	CLN	xã Ninh Thạnh Lợi	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
4	07/05/2023	Lê Hoàng Khanh	DĐ171758	240	4	5961,2	LUC	xã Ninh Quới	
5		Tăng Kim Khoa	BH336160	94	47	56,9	ODT	thị trấn Ngan Dừa	
			BH336161	95	47	165,7	ODT		
			BA141162	69	48	121,3	ODT		
6		Huỳnh Bửu Khải	CH045199	294	1	12153,4	CLN	xã Ninh Thạnh Lợi	

IV. Huyện Đông Hải

1	04/07/2023	Phan Văn Út Nguyễn Thị Tuyền	DL 005873	174	34	94,9	ODT	thị trấn Gành Hào	
2		Lê Thị Vuông	BD 832355	59	17	952,3	CLN		
			DK 079157	334		1838.2	NTS		
3	05/07/2023	Nguyễn Văn Luận Nguyễn Thanh Trang	DK 079159	310	34	86,2	ONT	xã Long Điền	
DK 913673			327	132.3		ONT			
4		Cao Văn Đình	CH 254748	245	30	1044,5	NTS		
			CH 254749	246		495,2			

V. Huyện Phước Long

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú			
				Số thửa	Tờ bản đồ							
1	03/07/2023	Nguyễn Văn Lũy	CD 885870	143	34	136,9	CLN	xã Vĩnh Phú Đông				
			BR 741811	35	34	2567,8	LUC					
			DL 166784	634	6	8663,7	LUC					
			DL 166785	583	6	28/65.3	LUC					
			DL 166786	1516	6	1348,8	LUC					
			DL 166798	5916	6	2760,8	LUC					
2	03//07/2023	Phan Thanh Tùng	AO 060175	708	9	5569,7	LUC	thị trấn Phước Long				
			AO 060176	674	9	5697,1	LUC					
			AO 060174	618	9	3443,5	LUC					
3		Trần Văn Một	DH 609935	36	65	338,9	ODT					
							CLN					
4		Nguyễn Trung Kiên	BD 837943	37	29	1061,1	ODT					
							CLN					
5		04/07/2023	Trần Quốc Việt	DL 186031	66	5	8019,1			NTS	xã Phước Long	

DƯỚI
 PHÒNG
 KÝ ĐẤT
 BÁC LÊ

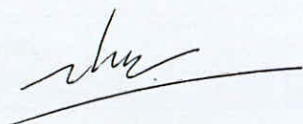
STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú	
				Số thửa	Tờ bản đồ					
6	04/07/2023	Đào Văn Út	DL 195170	32	23	299,9	ONT	xã Vĩnh Thanh		
			DK 302012	256	23	2938,4	CLN			
			DL 195171	34	23	386,5	CLN			
			DL 195169	29	23	2999,5	LUC			
7		Nguyễn Văn Chiến	AO 104867	790	9	2898,7	LUC	thị trấn Phước Long		
			AO 104862	860	9	60004	LUC			
			AO 104865	816	9	2557,4	CLN			
8			Ngô Văn Có	DL 195155	70	22	130,7	ONT	xã Vĩnh Thanh	
				DL 195156	69	22	1809,5	CLN		
				DL 195158	1072	3	4535,7	LUC		
				DL 195157	1096	3	4680,0	LUC		
9			Lê Văn Nhữn	CS117927	117	21	603,7	LUC	xã Vĩnh Phú Tây	
10	05/07/2023	Nguyễn Huỳnh Thuý Diễm	CS026648	993	7	272,7	ONT	xã Vĩnh Thanh		
			DK 320076	994	7	1193,5	NTS			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
VI. Thị xã Giá Rai									
1	03/07/2023	Huỳnh Hữu Thạnh	ĐĐ 251281	135	2	300	ONT	xã Phong Tân	
						27401,7	NTS		
			ĐĐ 251282	115	2	13282,9	NTS		
2			Lê Thị Hoàng Mỹ	CP 544261	322	7	404,3	LUC	phường Láng Tròn
3		Đinh Văn Dánh	AK 794850	138	22	173,6	CLN	phường Hộ Phòng	
4		Đinh Văn Cò	G 802862	0062	11	12150	NTS	xã Phong Thạnh	
5	04/07/2023	Lê Tấn Minh	DK 968911	1155	6	1820,4	NTS	xã Phong Thạnh A	
			DK 968912	557	6	4514,5	NTS		
			DK 079474	239	4	1000,4	NTS	phường Hộ Phòng	
6			Lê Tấn Minh cùng sử dụng Nguyễn Xuân Mơ	DH 656237	211	5	4196,6	NTS	phường Hộ Phòng
	DH 656236	211		5	4196,6				
	DH 656238	91		5	3904,4				

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
6	04/07/2023	Lê Tấn Minh cùng sử dụng Nguyễn Xuân Mơ	DH 656239	91	5	3904,4	NTS	phường Hộ Phòng	

Bạc Liêu, ngày 06 tháng 7 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Thị Thùy Dung

GIÁM ĐỐC
PHO GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đạo

Nơi nhận:

- Trung tâm CNTTNTMT(Đăng công thông tin điện tử) ;
- Lưu: TTLT(Dung).